

Số: 33 /QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam****TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính của các Bộ, ngành;

Căn cứ Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 7269/BNV-TCBC ngày 11/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc triển khai xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm; Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm và Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam gồm:

- Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại Phụ lục I.
- Danh mục vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung tại Phụ lục II.
- Danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành tại Phụ lục III.
- Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ tại Phụ lục IV.

(Danh mục chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV kèm theo)

## **Điều 2. Xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm**

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm theo Danh mục tại Điều 1, trình Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam phê duyệt.

2. Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện thẩm định Đề án vị trí việc làm trước khi trình Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam phê duyệt.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2035/QĐ-BHXH ngày 29/12/2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Riêng đối với các Vị trí việc làm tại số thứ tự 05 và 09 Mục III Phụ lục I và các vị trí việc làm từ số thứ tự 1 - 9 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/3/2024.

2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ở Trung ương; Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Các Phó TGD;
- VP HDQL BHXH;
- VP Đảng ủy Cơ quan BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, TCCB. *fb*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thế Mạnh**



## Phụ lục số I

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ  
THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /QĐ-BHXH ngày 25 tháng 01 năm 2024  
của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên Vị trí việc làm	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
<b>I</b>	<b>Lãnh đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam</b>		
1	Tổng Giám đốc	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 1), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ - Bản mô tả VTVL của Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ)	Lãnh đạo BHXH Việt Nam
2	Phó Tổng Giám đốc	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 2) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ - Bản mô tả VTVL của Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ);	
<b>II</b>	<b>Các chức danh lãnh đạo khác</b>		
3	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ, Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ - Bản mô tả VTVL của Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ);	Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam
<b>III</b>	<b>Đơn vị chuyên môn giúp việc</b>		
4	Vụ trưởng	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 5), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Vụ trưởng)	Các đơn vị cấp Vụ trực thuộc BHXH Việt Nam
5	Chánh Thanh tra	Quy định tại Mục I VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan, tổ chức hành chính (số thứ tự 7), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Chánh Thanh tra)	Thanh tra BHXH Việt Nam (Áp dụng từ ngày 01/3/2024)

STT	Tên Vị trí việc làm	Cán cứ	Đơn vị áp dụng
6	Trưởng ban	Quy định tại Mục II/VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 4), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng ban)	Các đơn vị cấp Ban trực thuộc BHXH Việt Nam
7	Chánh Văn phòng (Chánh Văn phòng BHXH Việt Nam/Chánh Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Chánh Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/Chánh Văn phòng Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam/ Trưởng các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy cơ quan)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 3), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Chánh Văn phòng)	Văn phòng BHXH Việt Nam/Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/ Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam
8	Phó Vụ trưởng	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 8), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Vụ trưởng)	Các đơn vị cấp Vụ trực thuộc BHXH Việt Nam
9	Phó Chánh Thanh tra	Quy định tại Mục I VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan, tổ chức hành chính (số thứ tự 17), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Chánh Thanh tra)	Thanh tra BHXH Việt Nam( Áp dụng từ ngày 01/3/2024)
10	Phó Trưởng ban	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 7), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng ban)	Các đơn vị cấp Ban trực thuộc BHXH Việt Nam

STT	Tên Vị trí việc làm	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
11	Phó Chánh Văn phòng (Phó Chánh Văn phòng BHXH Việt Nam/Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam/ Phó Chủ tịch chuyên trách Công đoàn BHXH Việt Nam/ Phó Trưởng các Ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy cơ quan)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 6), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Chánh Văn phòng)	Văn phòng BHXH Việt Nam/Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/ Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam/Công đoàn BHXH Việt Nam
12	Trưởng phòng và tương đương	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 9), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng)	Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam
13	Phó Trưởng phòng và tương đương	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 10), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng)	Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam
<b>III Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc</b>			
14	Trưởng ban (Giám đốc Trung tâm/ Viện trưởng/ Hiệu trưởng/Giám đốc Ban Quản lý dự án/Tổng Biên tập)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 4), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng ban)	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương
15	Phó Trưởng ban (Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Viện trưởng/ Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án/Phó Tổng Biên tập)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 7), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng ban)	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương

STT	Tên Vị trí việc làm	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
16	Trưởng phòng và tương đương (Chánh Văn phòng/Trưởng khoa/Giám đốc cơ sở bồi dưỡng)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 9), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng)	Văn phòng /Phòng Tổ chức - Hành chính/ Phòng Hành chính - Trị sự thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương; Khoa/cơ sở bồi dưỡng thuộc Trường đào tạo nghiệp vụ BHXH
17	Phó Trưởng phòng và tương đương (Phó Chánh Văn phòng/Phó Trưởng khoa/Phó Giám đốc cơ sở bồi dưỡng)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 10), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng)	Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương; Khoa/cơ sở bồi dưỡng thuộc Trường đào tạo nghiệp vụ BHXH
<b>IV</b>	<b>BHXH địa phương</b>		
18	Giám đốc Sở và tương đương (Giám đốc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 4) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Giám đốc Sở và tương đương)	BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
19	Phó Giám đốc Sở và tương đương (Phó Giám đốc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 9) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Giám đốc Sở và tương đương)	
20	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (Trưởng phòng thuộc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 16) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương)	

STT	Tên Vị trí việc làm	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
21	Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương (Chánh Văn phòng BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 15) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương)	BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
22	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (Phó Trưởng phòng thuộc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 19) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương)	
23	Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương (Phó Chánh Văn phòng BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 18) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương)	
24	Trưởng phòng và tương đương (Giám đốc BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục V. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện (số thứ tự 3) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng tương đương)	BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
25	Phó Trưởng phòng và tương đương (Phó Giám đốc BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục V. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện (số thứ tự 6) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng tương đương)	
26	Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở (Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ thuộc BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 23) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở )	
27	Phó Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở (Phó Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ thuộc BHXH quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc TW)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 24) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở )	

Đối với các đơn vị: Văn phòng Ban Cán sự đảng, Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam, Công đoàn cơ quan BHXH Việt Nam. Tam thời áp dụng VTVL tại 04 Phụ lục kèm theo Quyết định này cho đến khi có hướng dẫn mới của cấp có thẩm quyền.



**Phụ lục II**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số : **33** /QĐ-BHXH ngày **25** tháng **01** năm **2024** của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngành	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
<b>I Lĩnh vực Thanh tra - Kiểm tra</b>							
1	Thanh tra viên cao cấp về công tác thanh tra	Thanh tra viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 1) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên cao cấp về công tác thanh tra)	Thanh tra BHXH Việt Nam (Áp dụng từ ngày 01/3/2024)
2	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	Thanh tra viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 2) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên chính về công tác thanh tra)	
3	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 3) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên về công tác thanh tra)	
4	Thanh tra viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 7) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn)	



STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngành	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		Đơn vị áp dụng
5	Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 8) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn)	Thanh tra BHHX Việt Nam (Áp dụng từ ngày 01/3/2024)
6	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 9) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn)	
7	7.1. Thanh tra viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo 7.2. Thanh tra viên cao cấp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 13,19) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực )	
8	8.1. Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo 8.2. Thanh tra viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 14,20) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực)	
9	9.1. Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo 9.2. Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 15,21) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực)	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
10	Chuyên viên cao cấp về công tác thanh tra	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 4) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về công tác thanh tra)	Thanh tra BHHX Việt Nam (Áp dụng đối với những trường hợp chưa được bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra); Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc BHHX cấp tỉnh; BHHX cấp huyện
11	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về công tác thanh tra)	
12	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về công tác thanh tra)	
13	Chuyên viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 10) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về tiếp công dân và xử lý đơn)	
14	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 11) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn)	
15	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 12) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn)	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
16	Chuyên viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 16) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về giải quyết khiếu nại, tố cáo)	Thanh tra BHHX Việt Nam (Áp dụng đối với những trường hợp chưa được bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra); Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc BHHX cấp tỉnh; BHHX cấp huyện
17	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 17) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo)	
18	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 18) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo)	
19	Chuyên viên cao cấp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 22) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực)	
20	Chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 23) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực)	
21	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 24) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực)	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
<b>II Lĩnh vực hợp tác quốc tế</b>							
22	Chuyên viên cao cấp về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục II (số thứ tự 01) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, Mục II Lĩnh vực Hợp tác quốc tế (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về Hợp tác quốc tế	Vụ Hợp tác quốc tế
23	Chuyên viên chính về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II (số thứ tự 02) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, Mục II Lĩnh vực Hợp tác quốc tế (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về HTQT	
24	Chuyên viên về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	x			Quy định tại Phụ lục II (số thứ tự 03) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, Mục II Lĩnh vực Hợp tác quốc tế (số thứ tự 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Hợp tác quốc tế	
<b>III Lĩnh vực Pháp chế</b>							
25	Chuyên viên cao cấp về Pháp chế	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục II (số thứ tự 04) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính Mục III Lĩnh vực Pháp chế (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về Pháp chế	Vụ Pháp chế

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
26	Chuyên viên chính về Pháp chế	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II (số thứ tự 05) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính Mục III Lĩnh vực Pháp chế (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Pháp chế	Vụ Pháp chế; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
27	Chuyên viên về Pháp chế	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II (số thứ tự 06) Danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính Mục III Lĩnh vực Pháp chế (số thứ tự 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Pháp chế	
<b>IV Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính</b>							
28	Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Mục I Lĩnh vực tổ chức bộ máy (số thứ tự 1), Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy	Vụ Tổ chức cán bộ; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH cấp tỉnh; Văn phòng/ Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam
29	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Mục I Lĩnh vực tổ chức bộ máy (số thứ tự 2), Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	
30	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	x	x		Quy định tại Mục I Lĩnh vực tổ chức bộ máy (số thứ tự 3), Phụ lục IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên về tổ chức bộ máy	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
31	Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Mục II quản lý nguồn nhân lực (số thứ tự 1), Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về Quản lý nguồn nhân lực	Vụ Tổ chức cán bộ; Văn Phòng Đảng ủy; Văn phòng Ban Cán sự Đảng; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH cấp tỉnh; Văn phòng/ Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam
32	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Mục II quản lý nguồn nhân lực (số thứ tự 2), Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Quản lý nguồn nhân lực	
33	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	x	x		Quy định tại Mục II quản lý nguồn nhân lực (số thứ tự 3), Phụ lục IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên về Quản lý nguồn nhân lực	
34	Chuyên viên cao cấp về cải cách hành chính	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I mục IV Lĩnh vực cải cách hành chính (số thứ tự 1); Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về CCHC)	Vụ Pháp chế

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
35	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục I mục IV Lĩnh vực cải cách hành chính (số thứ tự 2); Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về CCHC)	Vụ Pháp chế; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH tỉnh; BHXH cấp huyện
36	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I mục IV Lĩnh vực cải cách hành chính (số thứ tự 3); Phụ lục IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên về CCHC)	Vụ Thi đua - Khen thưởng
37	Chuyên viên cao cấp về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục I mục V Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (số thứ tự 1); Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về thi đua, khen thưởng)	Vụ Thi đua - Khen thưởng
38	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục I mục V Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (số thứ tự 2); Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính	Vụ Thi đua - Khen thưởng; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH cấp tỉnh
39	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	x	x		Quy định tại Phụ lục I mục V Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (số thứ tự 3); Phụ lục IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 - Bản mô tả VTVL chuyên viên về thi đua, khen thưởng)	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
<b>Lĩnh vực về kế hoạch, tài chính</b>							
40	Chuyên viên cao cấp về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 1) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về Kế hoạch đầu tư	Vụ Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH tỉnh
41	Chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	
42	Chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên	x	x		Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số tt 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	
43	Chuyên viên chính về Thống kê	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 5) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Thống kê	
44	Chuyên viên về Thống kê	Chuyên viên	x			Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 6) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Thống kê	



STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
45	Chuyên viên cao cấp về Tài chính	Chuyên viên cao cấp	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 7) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về Tài chính	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng Hội đồng quản lý; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện.
46	Chuyên viên chính về Tài chính	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 8) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Tài chính	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện.
47	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 9) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Tài chính	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện.
48	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)		x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 10) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán trưởng	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện;
49	Kế toán viên chính	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 11) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán viên chính	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện;
50	Kế toán viên	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 12) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán viên	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện;
51	Kế toán viên trung cấp	Cán sự	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 13) kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán viên trung cấp	Vụ Tài chính - Kế toán; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện;

STT	Tên Vị trí việc làm	Trương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
52	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 14) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL chuyên viên thủ quỹ	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
53	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 15) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Cán sự thủ quỹ)	
<b>VI Lĩnh vực Văn phòng; Truyền thông; Văn thư; Lưu trữ</b>							
54	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại PL II, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 1) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Tổng hợp	Văn phòng Ban Cán sự Đảng; Văn phòng HĐQT BHXH; Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/ Phòng Hành chính - Trị sự thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
55	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại PL II, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Tổng hợp	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
56	Chuyên viên chính về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Hành chính - Văn phòng	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng, phòng nghiệp vụ thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
57	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 4) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	
58	Cán sự về Hành chính - Văn phòng	Cán sự	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 5) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	
59	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 8) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Quản trị công sở	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh
60	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 9) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Quản trị công sở	

STT	Tên Vị trí việc làm	Trương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
61	Chuyên viên chính về Truyền thông	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 6) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Truyền thông	Trung tâm Truyền thông; Phòng Truyền thông thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện.
62	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 7) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Truyền thông	
63	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 10) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Văn thư viên chính	
64	Văn thư viên	Văn thư viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 11) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Văn thư viên	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
65	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 12) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Văn thư viên trung cấp	

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
66	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 13) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Chuyên viên chính về lưu trữ)	Văn phòng BHHH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHHH cấp tỉnh; BHHH cấp huyện
67	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 14) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về lưu trữ)	
68	Cán sự về lưu trữ	Cán sự	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 15) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL cán sự về lưu trữ)	



**Phụ lục III**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM (1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số : **33** /QĐ-BHXH ngày **25** tháng **01** năm **2024** của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Căn cứ	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
1	Chuyên viên cao cấp về BHXH	Chuyên viên cao cấp về BHXH (Quản lý Thu - Sở, Thè)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 4), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về BHXH)	
2	Chuyên viên chính về BHXH	Chuyên viên chính về BHXH (Quản lý Thu - Sở, Thè)	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHXH)	Ban Quản lý Thu - Sở, Thè; Phòng Quản lý Thu - Sở, Thè thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
3	Chuyên viên về BHXH	Chuyên viên về BHXH (Quản lý Thu - Sở, Thè)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHXH)	
4	Chuyên viên cao cấp về BHXH	Chuyên viên cao cấp về BHXH (Thực hiện chính sách BHXH)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 4), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về BHXH)	Ban Thực hiện chính sách BHXH

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Căn cứ	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
5	Chuyên viên chính về BHXH	Chuyên viên chính về BHXH (Thực hiện chính sách BHXH)	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHXH)	Ban Thực hiện chính sách BHXH; Phòng Chế độ BHXH thuộc BHXH tỉnh; BHXH cấp huyện
6	Chuyên viên về BHXH	Chuyên viên về BHXH (Thực hiện chính sách BHXH)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHXH)	
7	Chuyên viên cao cấp về BHYT	Chuyên viên cao cấp về BHYT (Thực hiện chính sách BHYT)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục VII Lĩnh vực BHYT (số thứ tự 1), Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về BHYT)	
8	Chuyên viên chính về BHYT	Chuyên viên chính về BHYT (Thực hiện chính sách BHYT)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục VII Lĩnh vực BHYT (số thứ tự 2), Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHYT)	Ban Thực hiện Chính sách BHYT
9	Chuyên viên về BHYT	Chuyên viên về BHYT (Thực hiện chính sách BHYT)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục VII Lĩnh vực BHYT (số thứ tự 3), Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHYT)	
10	Chuyên viên cao cấp về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên cao cấp về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (Đầu tư quỹ)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 28), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính	Vụ Quản lý Đầu tư quỹ
11	Chuyên viên chính về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên chính về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (Đầu tư quỹ)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 29), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính	

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Cơ sở	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
12	Chuyên viên về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (Đầu tư quỹ)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 30), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính	Vụ Quản lý Đầu tư quỹ
13	Chuyên viên cao cấp về Kiểm toán	Chuyên viên cao cấp về Kiểm toán (Kiểm toán nội bộ)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 22), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về Kiểm toán	Vụ Kiểm toán nội bộ
14	Chuyên viên chính về Kiểm toán	Chuyên viên chính về Kiểm toán (Kiểm toán nội bộ)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 23), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Kiểm toán	
15	Chuyên viên về Kiểm toán	Chuyên viên về Kiểm toán (Kiểm toán nội bộ)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 24), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên về Kiểm toán	
16	Chuyên viên cao cấp về BHYT	Chuyên viên cao cấp về BHYT (Giám định BHYT)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Mục VII Lĩnh vực Bảo hiểm y tế (số thứ tự 1), Phụ lục I danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Y tế, Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (Bản mô tả VTVL Chuyên viên cao cấp về BHYT)	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến
17	Chuyên viên chính về BHYT	Chuyên viên chính về BHYT (Giám định BHYT)	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Mục VII Lĩnh vực Bảo hiểm y tế (số thứ tự 2), Phụ lục I danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Y tế, Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (Bản mô tả VTVL Chuyên viên chính về BHYT)	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến; Phòng Giám định BHYT thuộc BHXH tỉnh; BHXH cấp huyện
18	Chuyên viên về BHYT	Chuyên viên về BHYT (Giám định BHYT)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Mục VII Lĩnh vực Bảo hiểm y tế (số thứ tự 3), Phụ lục I danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Y tế, Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (Bản mô tả VTVL Chuyên viên về BHYT)	



STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Cơ sở	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
19	Nghiên cứu viên cao cấp	Nghiên cứu viên cao cấp	Chuyên viên cao cấp	X			Phụ lục II, (số thứ tự 1) danh mục VTVL viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo Thông tư số 17/2023/TT-BKHHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Bản mô tả VTVL Nghiên cứu viên cao cấp)	Viện Khoa học BHXH
20	Nghiên cứu viên chính	Nghiên cứu viên chính	Chuyên viên chính	X			Phụ lục II, (số thứ tự 2) danh mục VTVL viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo Thông tư số 17/2023/TT-BKHHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Bản mô tả VTVL Nghiên cứu viên chính)	
21	Nghiên cứu viên	Nghiên cứu viên	Chuyên viên	X			Phụ lục II (số thứ tự 3) danh mục VTVL viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo Thông tư số 17/2023/TT-BKHHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Bản mô tả VTVL Nghiên cứu viên)	
22	Chuyên viên cao cấp về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên cao cấp về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, mục IX (số thứ tự 1) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về quản lý Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin; các Phòng trực thuộc các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin; Văn phòng BHXH cấp tỉnh (56 BHXH cấp tỉnh) và Phòng Công nghệ thông tin thuộc BHXH cấp tỉnh (07 BHXH cấp tỉnh); BHXH cấp huyện
23	Chuyên viên chính về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên chính về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I, mục IX (số thứ tự 2) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý Công nghệ thông tin	
24	Chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I, mục IX (số thứ tự 3) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Cơ sở	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
25	Chuyên viên cao cấp về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên cao cấp về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 7) Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong cơ quan, tổ chức hành chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng BHXH Việt Nam; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; Văn phòng BHXH cấp tỉnh, BHXH cấp huyện.
26	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 8) Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong cơ quan, tổ chức hành chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	
27	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 8) Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong cơ quan, tổ chức hành chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	
28	Chuyên viên cao cấp về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên cao cấp về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 1) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về quản lý an toàn thông tin mạng	Trung tâm công nghệ thông tin; các Phòng trực thuộc các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin; Văn phòng BHXH cấp tỉnh (56 BHXH cấp tỉnh) và Phòng Công nghệ thông tin thuộc BHXH cấp tỉnh (07 BHXH cấp tỉnh);
29	Chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 2) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	
30	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên	X	X		Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 3) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	

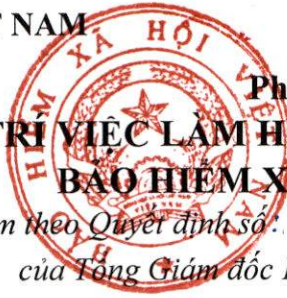
STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Trương ứng ngạch	Cấp			Cơ sở	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
31	Chuyên viên cao cấp bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Chuyên viên cao cấp bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 4) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Trung tâm Công nghệ thông tin
32	Chuyên viên chính bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Chuyên viên chính bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 5) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	
33	Chuyên viên bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Chuyên viên bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 6) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên bảo mật hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước	
34	Chuyên viên cao cấp về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên cao cấp về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, mục X (số thứ tự 1) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về quản lý quản lý giao dịch điện tử	Trung tâm Công nghệ thông tin

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Căn cứ	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
35	Chuyên viên chính về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên chính về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I, mục X (số thứ tự 2) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý giao dịch điện tử	Trung tâm Công nghệ thông tin; Văn phòng BHXH cấp tỉnh (56 BHXH cấp tỉnh) và Phòng Công nghệ thông tin thuộc BHXH cấp tỉnh (07 BHXH cấp tỉnh) và BHXH cấp huyện.
36	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I, mục X (số thứ tự 3) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	
37	Chuyên viên cao cấp về BHXH	Chuyên viên cao cấp về BHXH (Tư vấn, giải đáp chính sách BHXH, BHYT, BHTN)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 4), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về BHXH)	
38	Chuyên viên chính về BHXH	Chuyên viên chính về BHXH (Tư vấn, giải đáp chính sách BHXH, BHYT, BHTN)	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHXH)	Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc khách hàng; Phòng Truyền thông thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
39	Chuyên viên về BHXH	Chuyên viên về BHXH (Tư vấn, giải đáp chính sách BHXH, BHYT, BHTN)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHXH)	

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Căn cứ	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
40	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (Hạng I)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (Hạng I)	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục IV (số thứ tự 1) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH Bản mô tả VTVL về Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp)	Trường Đào tạo nghiệp vụ BHXH
41	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (Hạng II)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (Hạng II)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục IV (số thứ tự 2) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH Bản mô tả VTVL về Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính)	
42	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp (Hạng III)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục IV (số thứ tự 3) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH, Bản mô tả VTVL về Giảng viên giáo dục nghề nghiệp)	
43	Quản học viên chính (Quản học viên Hạng II)	Quản học viên chính (Quản học viên Hạng II)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục IV (số thứ tự 19) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH Bản mô tả VTVL về Quản học viên chính)	
44	Quản học viên (Quản học viên Hạng III)	Quản học viên (Quản học viên Hạng III)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục IV (số thứ tự 20) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH Bản mô tả VTVL về Quản học viên)	
45	Chuyên viên cao cấp về quản lý báo chí	Chuyên viên cao cấp về quản lý báo chí	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục I (số thứ tự 1), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý báo chí)	Tạp chí BHXH
46	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục I (số thứ tự 2), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý báo chí)	
47	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục I (số thứ tự 3), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý báo chí)	

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Trương ứng ngạch	Cấp			Cơ sở	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
48	Chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên cao cấp	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục II (số thứ tự 5), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên cao cấp về quản lý thông tin điện tử)	Trung tâm Truyền thông; Tạp chí BHXH và BHXH cấp tỉnh, BHXH cấp huyện.
49	Chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên chính	X	X		Quy định tại Phụ lục I, Mục II (số thứ tự 5), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử)	
50	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I, Mục II (số thứ tự 6), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý thông tin điện tử)	
51	Chuyên viên cao cấp Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên cao cấp Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên cao cấp	X			Phụ lục I, danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; Phụ lục II bản mô tả khung năng lực VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng (số thứ tự 7) theo Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành BHXH
52	Chuyên viên chính Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	X			Phụ lục I, danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; Phụ lục II bản mô tả khung năng lực VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng (số thứ tự 8) theo Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng	
53	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	X			Phụ lục I, danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; Phụ lục II bản mô tả khung năng lực VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng (số thứ tự 9) theo Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng	

*Ghi chú: (1) Trong thời gian chờ Thông tư của Bộ quản lý nhà nước ban hành danh mục VTVL chuyên ngành đối với BHXH Việt Nam, sau khi xin ý kiến Bộ Nội vụ, BHXH Việt Nam tạm thời áp dụng Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tại các Thông tư: Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 và Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 của Bộ Y tế; Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 17/2023/TT-BKHCHN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.*



**Phụ lục IV**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ THUỘC HỆ THỐNG  
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33 /QĐ-BHXH ngày 25 tháng 01 năm 2024  
của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên VTVL	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ quy định	Đơn vị áp dụng
1	Nhân viên kỹ thuật	x	x		Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 1) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên kỹ thuật)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng BHXH tỉnh
2	Nhân viên y tế cơ quan	x			Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 2) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên y tế cơ quan)	Văn phòng BHXH Việt Nam
3	Nhân viên phục vụ	x	x	x	Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 3) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên phục vụ)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
4	Nhân viên lễ tân	x			Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 4) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên lễ tân)	Văn phòng BHXH Việt Nam
5	Nhân viên bảo vệ	x	x	x	Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 5) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên bảo vệ)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
6	Nhân viên lái xe	x	x	x	Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 6) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên Lái xe)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện